

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/HC-ST

Ngày: 10/9/2025

Về việc “*Khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi trong quản
lý Nhà nước về đất đai*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Chiến

Bà Đinh Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2024/TLST-HC ngày 04/10/2024 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2025/QĐXXST-HC ngày 21/8/2025; giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Phạm Hùng P, sinh năm 1969 và bà Trần Kim T, sinh năm 1971. Cùng địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng). Số điện thoại: 0374.746.232. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T: Ông Vũ Thành N, sinh năm 1971. Địa chỉ: 5 H, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng). Số điện thoại: 0916.417.379. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Kim Đ – Là luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L. Địa chỉ: VPLS N - Số F V, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã D, tỉnh Lâm Đồng). Vắng mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện D.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: Thôn F, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông K' Brēm, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn K' L, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã D, tỉnh Lâm Đồng). Số điện thoại: 0337.927.403 – 0842.731.386. Vắng mặt.

- Ông K' Biền, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Vắng mặt.

NỘI DUNG

** Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T trình bày:*

Xuất phát từ việc khiếu kiện, khiếu nại của anh Doãn Văn D cho rằng tại vị trí ranh giới thửa số 10 với thửa 30 (thửa 15 cũ tách ra thành các thửa 30,31,32) cùng bản đồ 65 có đường đi nhưng hiện được đi này không đúng với bản đồ đo đạc mới; gây ảnh hưởng đến việc đi lại của hộ ông D và các hộ khác phía trong. Từ đó UBND xã Đ đã tiến hành hoà giải nhiều lần các ngày 01/4/2022; ngày 11/8/2023; ngày 27/10/2023.

Theo các tài liệu lưu giữ tại Văn phòng đăng ký đất đai thể hiện thửa 15 thuộc QSD của ông K' Brēm giáp thửa số 10 của ông P, bà T; ngày 12/12/2013 ông K' Brēm đề nghị tách thửa 15 thành các thửa 30, 31, 32, sau đó ông K' Brēm đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận các thửa đã tách.

Theo tài liệu tách thửa đã thể hiện rõ thửa 30 là “đường giao thông” có diện tích 406m², thửa số 10 đã cấp giấy chứng nhận cho ông P bà T không liên quan gì đến đất đường đi. Đối với diện tích đất thửa 11 cũng đã cấp giấy chứng nhận cho ông P bà T lại càng không liên quan gì đến đường đi mà ông D khiếu nại nêu trên.

Thông báo số 46/TB-UBND và Quyết định số 1242/QĐ-UBND cho rằng các giấy chứng nhận QSD đất số hiệu BQ 352122 ngày 05/12/2013 đối với thửa 10 bản đồ 65 xã Đ; Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu BQ 35212 ngày 05/12/2013 đối với thửa 11 bản đồ 65 xã Đ cấp “không đúng mục đích sử dụng đất (nguồn gốc thực tế do ông K' Biền sang nhượng cho ông Phạm Hùng P từ năm 2002 với giá 9 triệu đồng tuy nhiên trong hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận ông Phạm Hùng P kê khai khai phá năm 2000)”. Từ đó, căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013 là không đúng.

Luật đất đai năm 2013 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2013 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2014, nên được gọi tắt “Luật đất đai năm 2013”; đối chiếu với việc ông bà kê khai đăng ký ngày 01/10/2013 và được cấp giấy chứng nhận 05/12/2013 theo quy định Luật đất đai năm 2003.

Điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013 quy định “*Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai...*”.

Đối chiếu giấy chứng nhận đã cấp là đúng thẩm quyền; đúng đối tượng sử dụng đất; đúng diện tích đất, đủ điều kiện được cấp, đúng mục đích sử dụng đất, trong thời hạn sử dụng đất. Do vậy Quyết định hành chính viện dẫn nêu trên là không đúng.

Về nguồn gốc đất trước đây ông bà có nhận chuyển nhượng công khai phá ban đầu của ông K' Biền năm 2002 nhưng đã bị bỏ hoang trước đó, sau khi sang nhượng công khai phá ông bà tiếp tục phục hoá để sản xuất, nên năm 2013 kê khai do khai phá không sai. Bởi lẽ:

+ Điểm a khoản 54 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung Nghị định 43/2014/NĐ-CP) quy định như sau:

“1. Các trường hợp đang sử dụng đất sau đây mà chưa được cấp Giấy chứng nhận và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì người đang sử dụng đất thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu theo quy định của Luật đất đai và quy định tại Nghị định này mà không phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, cơ quan tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu người nhận chuyển quyền sử dụng đất nộp hợp đồng, văn bản chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Điểm a quy định “Sử dụng đất do nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trước ngày 01/01/2008”.

Như vậy giả thiết cho đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận thì ông bà kê khai đăng ký vẫn được cấp giấy chứng nhận theo quy định Luật đất đai 2013.

Do đó, ông Phạm Hùng P bà Trần Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Thông báo số 46/TB-UBND ngày 24/01/2024 của UBND huyện D về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T.

- Hủy Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện D về việc thu hồi giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T.

** Theo ý kiến của đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện D (nay là UBND xã Đ) trình bày:*

1. Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BQ 352122 ngày 05/12/2013 tại thửa 10 tờ bản đồ số 65 và BQ 352123 ngày 05/12/2013 tại thửa 11 tờ bản đồ số 65 xã Đ.

Về nguồn gốc: theo đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đề ngày 01/10/2013, ông Phạm Hùng P kê khai các thửa đất 11 (65) diện tích 1.755m² CLN và tại thửa 10 (65) diện tích 9.039m² CLN là đất do ông Phạm Hùng P khai phá năm 2000.

Trên cơ sở hồ sơ thiết lập với nguồn gốc nêu trên, ngày 05/12/2013 UBND huyện D đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BQ 352122 cấp ngày 05/12/2013 tại thửa 10 (65) bản đồ đo năm 2009 và giấy chứng nhận QSDĐ số BQ 352123 cấp ngày 05/12/2013 tại thửa 11 (65) bản đồ đo năm 2009 cho ông Phạm Hùng P và bà

Trần Kim T. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho ông Phạm Hùng P được thực hiện theo quy định của Luật đất đai năm 1993 và trên cơ sở bản đồ địa chính đo đạc năm 2009.

2. Việc ban hành Thông báo số 46/TB-UBND ngày 24/01/2024 và Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện D V/v thu hồi giá trị pháp lý GCN QSDĐ đã cấp cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T.

Ngày 22/01/2022, ông Doãn Văn D có đơn kiến nghị về đường đi liên quan đến các thửa đất của ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T đang quản lý sử dụng và đã được cấp GCN QSDĐ.

Trên cơ sở chỉ đạo tại Văn bản số 4010/UBND-TD ngày 17/11/2023 V/v phối hợp giải quyết đơn đề nghị của ông Doãn Văn D, ngụ tại thôn C xã Đ và Văn bản số 4411/UBND ngày 25/12/2023 V/v phối hợp giải quyết đơn đề nghị của ông Doãn Văn D, ngụ tại thôn C xã Đ.

Quá trình xác minh ngày 11/01/2024 của Phòng T1, đã xác minh lại nguồn gốc đất đai của ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T đang quản lý sử dụng có nguồn gốc như sau:

- Về nguồn gốc theo hồ sơ cấp GCN: Theo đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận ngày 01/10/2013, ông Phạm Hùng P kê khai các thửa đất 11 (65) và thửa 10 (65) là đất do ông Phạm Hùng P khai phá năm 2000.

- Về nguồn gốc qua xác minh: Các thửa đất 11 (65) và thửa 10 (65) là đất do ông Phạm Hùng P nhận sang nhượng năm 2000 từ ông K' Biền.

Trên cơ sở quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013 quy định:

“2. Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây:

d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.”

Qua kiểm tra phát hiện GCN QSDĐ của ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất do đó UBND huyện D ban hành Thông báo số 46/TB-UBND ngày 24/01/2024 của UBND huyện D V/v thu hồi GCN QSDĐ đã cấp cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T.

Ngày 08/5/2024, UBND huyện D ban hành Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện D V/v thu hồi giá trị pháp lý GCN QSDĐ đã cấp cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T.

Việc UBND huyện D ban hành Thông báo số 46/TB-UBND và Quyết định số 1242/QĐ-UBND nêu trên là đảm bảo đúng trình tự, quy định tại quy định tại

điểm c khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định: Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 2013 và quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013.

3. Quan điểm của UBND huyện D đối với yêu cầu của ông Phạm Hùng P: UBND huyện D không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hùng P. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K' Brèm trình bày:* Nguồn gốc ông K' Biền xâm canh đất tại Thôn C xã Đ và chuyển nhượng lại cho ông Phạm Hùng P, ông K' Brèm và ông Doãn Văn D. Những người nhận chuyển nhượng đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, trong đó ông Phạm Hùng P, bà Trần Kim T được cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất số 10, 11, tờ bản đồ 65, xã Đ, huyện D.

Ông K' Brèm không liên quan gì đến việc UBND huyện D ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P, bà T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K' Biền trình bày:* Ông K' Biền có khai phá đất để canh tác đến năm 2000 thì chuyển nhượng lại cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T theo giấy tay ghi ngày 02/4/2000. Thời điểm chuyển nhượng chưa đo đạc bản đồ địa chính. Sau khi đo đạc bản đồ địa chính thì ông P, bà T kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; không tổ chức đối thoại được

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vắng mặt tại phiên tòa như có bản luận cứ đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của người khởi kiện, của người bị kiện, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các văn bản pháp luật có liên

quan; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người khởi kiện vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa ông Doãn Văn D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đơn khởi kiện của người khởi kiện. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án thấy rằng ông Doãn Văn D không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Do đó, Tòa án xác định lại ông Doãn Văn D không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 28/5/2024, ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Thông báo số 46/TB-UBND ngày 24/01/2024 của UBND huyện D về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T.

- Hủy Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện D về việc thu hồi giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T.

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng Hành chính; xác định đối tượng khởi kiện là “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện quy định Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 352122, số BQ 352123 ngày 05/12/2013 cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T:

Ngày 01/10/2013, ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T có đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 10 (1.755m²), thửa đất số 11 (9.039m²), tờ bản đồ số 65, xã Đ, huyện D. Nguồn gốc sử dụng đất: Do ông Phạm Hùng P khai phá năm 2000.

Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND xã Đ xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất: Do ông Phạm Hùng P khai phá năm 2000, phù hợp với quy hoạch và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận.

Hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được niêm yết công khai từ ngày 01/10/2013 đến ngày 15/10/2013.

Ngày 12/11/2013, Phòng tài nguyên và môi trường huyện T1 có Tờ trình số 4409/TTr/TN-MT về việc đề nghị UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 05/12/2013, UBND huyện D đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 352122 đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 65, xã Đ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 352123 thửa đất số 11, tờ bản đồ số 65, xã Đ cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T.

Theo ý kiến trình bày của ông Phạm Hùng P, bà Trần Kim T và ông K' Biền đều thống nhất về nguồn gốc đất do ông K' Biền khai hoang sau đó chuyển nhượng lại cho ông P, bà T. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông P, bà T tiếp tục phục hóa và sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp. Ý kiến trình bày của ông P, bà T, ông K' Biền phù hợp với hồ sơ địa chính, cụ thể là ông P, bà T là người sử dụng đất tại thời điểm đo đạc bản đồ địa chính và có tên trong sổ mục kê đối với thửa đất số 10, 11, tờ bản đồ số 65, xã Đ. Đối chiếu quy định về giao đất nông nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật đất đai 1993, Nghị định 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 của Chính phủ và Luật đất đai 2003, sửa đổi bổ sung 2009, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ thì ông P, bà T là người trực tiếp lao động sản xuất nông nghiệp và được UBND xã Đ xác nhận nên đủ điều kiện giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện D cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là đúng quy định của Luật đất đai 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

[4] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T:

Ngày 22/01/2022, ông Doãn Văn D có đơn kiến nghị về đường đi liên quan đến các thửa đất của ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T đang quản lý sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo kết quả xác minh ngày 11/01/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1 về nguồn gốc sử dụng đất của ông Phạm Hùng P1 và bà Trần Kim T thể hiện:

Về nguồn gốc theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận: Theo đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đề ngày 01/10/2013, ông Phạm Hùng P, bà Trần Kim T về nguồn gốc sử dụng đất và được UBND xã Đ xác nhận đối với các thửa đất số 10 11, tờ bản đồ số 65, xã Đ là đất do ông Phạm Hùng P khai phá năm 2000.

Về nguồn gốc qua xác minh: Các thửa đất số 10 11, tờ bản đồ số 65, xã Đ là đất do ông Phạm Hùng P nhận sang nhượng của ông K' Biền năm 2000, theo giấy tay sang nhượng đất lập ngày 02/4/2000.

Ngày 24/01/2024, UBND huyện D ban hành Thông báo số 46/TB-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T; cụ thể là thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ

352122 ngày 05/12/2013 đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 65, xã Đ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 352123 thửa đất số 11, tờ bản đồ số 65, xã Đ.

Ngày 08/5/2024, UBND huyện D ban hành Quyết định số 1242/QĐ-UBND về việc thu hồi giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T, cụ thể là thu hồi giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 352122 ngày 05/12/2013 đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 65, xã Đ và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 352123 thửa đất số 11, tờ bản đồ số 65, xã Đ.

Theo phân tích tại mục [3] nêu trên, việc Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định nên việc ban hành Thông báo số 46/TB-UBND và Quyết định số 1242/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện D là chưa phù hợp quy định của pháp luật đất đai.

[5] Từ những phân tích nêu trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T.

[6] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ với tổng số tiền là 5.394.325 đồng do ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T nộp tạm ứng. Ông Phạm Hùng P, bà Trần Kim T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này và đã được quyết toán xong.

[7] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T được chấp nhận nên buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện D (*Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ*) phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 164, Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348, Điều 358 của Luật tố tụng hành chính; Luật đất đai 1993, Luật đất đai 2003, sửa đổi bổ sung 2009, Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, Nghị định 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 của Chính phủ, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 2013 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T.

- Hủy Thông báo số 46/TB-UBND ngày 24/01/2024 của UBND huyện D về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T.

- Hủy Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện D về việc thu hồi giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền là 5.394.325 đồng. Ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T đã nộp đủ và được quyết toán xong.

3. Về án phí: Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Hùng P và bà Trần Kim T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009510 ngày 04/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh LĐ;
- Đương sự;
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Ngọc Bình